

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HSST

Ngày: 27/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mai Anh

Nghề nghiệp: cán bộ - Liên Đoàn Lao động Quận 4

2. Ông Nguyễn Hữu Đức

Nghề nghiệp: cán bộ - Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội Quận 4.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình - cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Quốc Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 4 – 22/1 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM TRẦN MINH T**; tên gọi khác: Kun, sinh ngày 09/2/1988 tại TP. Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; Nơi cư trú: 125/107/8/2 Đường A, Phường B, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1965 (chết); vợ: Hoàng Ngọc C, sinh năm 1990; con: 01, sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân Quận 10 đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc theo Quyết định số 95/QĐ-CSCNBB-TA ngày 08/7/2016, thời hạn là 20 tháng, chấp hành xong ngày 18/01/2018; Nhân thân: Năm 2006, bị đưa vào cơ sở giáo dục theo Quyết định số 3374/QĐ – UB ngày 07/08/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 11/05/2008. Năm 2009, Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 100/2009/HSST ngày 23/06/2009); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 28/08/2018 “có mặt”.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Trung V, sinh năm 1994 “vắng mặt”

Địa chỉ: 282/7 D, Phường G, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

2/ Bà Lê Kiều N, sinh năm 1991

Địa chỉ: 254/1 Q, Phường F, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trần Minh T là người nghiện ma túy. Vào khoảng 20 giờ ngày 27/08/2018, T điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 59E1 – 423.95 đi đến khu vực ngã ba Cây Dừa, Quận 8 tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, T mua 01 gói ma túy giá 400.000 đồng của một thanh niên tên P (không rõ lai lịch). Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào túi quần phía trước, bên trái của T đang mặc. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy đi đến dạp cầu Nguyễn Văn Cừ, Quận 8 tìm bạn là Lê Trung V (sinh năm: 1994, ngụ tại: 282/7 D, Phường G, Quận 8) để rủ V đi chơi. T điều khiển xe chở V đi lòng vòng sang khu vực Quận 4. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, khi T và V đi đến trước nhà số 690 Đoàn Văn Bơ, Phường 16, Quận 4 thì bị Công an Quận 4 kiểm tra phát hiện T đang cất giấu ma túy nên đã lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Quận 4, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với kết quả giám định, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu khác do Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Ngoài ra, T khai chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số: 59E1 – 423.95 là do T cầm của H (không rõ lai lịch) với giá 10.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại.

Kết quả xác minh xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số: 59E1 – 423.95 thì:

- Biển số: 59E1 – 423.95 là của xe gắn máy hiệu KWASHIORKOR có số máy: FMH – 104829; số khung: UMB1 – 104829 do chị Lê Kiều N (sinh năm: 1991, ngụ tại: 254/1 Q, Phường F, quận Phú Nhuận) là chủ sở hữu. N khai mua chiếc xe này vào khoảng năm 2013, sau đó đã bán lại cho người khác (không rõ lai lịch).

- Xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Exciter, số máy: G3D4E097667, số khung: RLCUG0610FY086416 có biển số là 59C2 – 528.18 do anh Tôn Vũ B (sinh năm: 1990, ngụ tại: 95/2A, phường T, Quận 7) là chủ sở hữu. Ngày 12/08/2018, anh B để xe tại nhà số 95/2A, phường T, Quận 7 và bị mất trộm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 4 đã trích hồ sơ và chuyển chiếc xe này đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7 để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Lê Trung V khai được T rủ đi chơi, V không biết việc T cất giấu chất ma túy nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V. Đối với P là người đã bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra chưa xác minh được lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

Tại Kết luận giám định số: 1456/KLGD – H ngày 05/09/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Trần

Minh T và hình dấu Công an Phường 16, Quận 4 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4616 gram, loại Methamphetamine.

Bản cáo trạng số 09/CTr-VKS ngày 03/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đã truy tố bị cáo Phạm Trần Minh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Trần Minh T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 giữ quan điểm truy tố bị cáo Phạm Trần Minh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm tù (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng để thu nộp ngân sách nhà nước; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và rất hối hận nên không có ý kiến tham gia tranh luận; bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau và còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; bản kết luận giám định số Kết luận giám định số: 1456/KLGD – H ngày 05/09/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 28/08/2018, tại trước nhà số 690 Đoàn Văn Bơ, Phường 16, Quận 4, Công an Quận 4 bắt quả tang Phạm Trần Minh T đang cất giấu 0,4616 gram ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị can Phạm Trần Minh T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý về chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn Quận 4. Để nghiêm trị hành

vi trái pháp luật thực hiện do lỗi cố ý, đối với bị cáo cần có mức án tương ứng với tính chất vụ án và mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo để xử phạt. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Ngoài ra, còn áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự phạt tiền bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng để thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số 1456 là chất ma túy còn lại sau giám định. Đây là chất ma túy độc hại cần tịch thu, tiêu hủy.

- 02 sim điện thoại hiệu Mobiphone; 01 điện thoại di động hiệu Mobell M339, màu đen, số Imel 1: 810103600033378; số Imel 2: 810104600033378; (là tài sản của Phạm Trần Minh T không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 03/01/2019 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4)

- 01 biển số: 59E1 – 423.95. Xét miếng thiết có biển số không có nguồn gốc hợp lệ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 300.000 đồng thu giữ của Phạm Trần Minh T, là tài sản cá nhân của T cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Theo giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước đề ngày 03/12/2018 của Công an Quận 4)

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp số tiền là 200.000 ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Trần Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Phạm Trần Minh T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 8 năm 2018. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Phạt tiền Phạm Trần Minh T 5.000.000 (năm triệu) đồng để thu nộp ngân sách nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi số vụ 1456 và 01 miếng thiết có ghi biển số: 59E1 – 423.95.

+ Trả lại cho Phạm Trần Minh T 02 sim điện thoại hiệu Mobiphone; 01 điện thoại di động hiệu Mobell M339, màu đen, số Imel 1: 810103600033378; số Imel 2: 81010460003337 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 03/01/2019 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4)

- Trả cho Phạm Trần Minh T số tiền 300.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Theo giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước đề ngày 03/12/2018 của Công an Quận 4)

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------|-----|
| . Bị cáo | (1) |
| . Người tham gia tố tụng | (2) |
| . CA TPHCM (PC 53) | (1) |
| | (1) |
| . TAND TP.HCM | (1) |
| . Sở Tư pháp TP.HCM | (2) |
| . VKSND Q4 | (2) |
| . CA Q4 | (1) |
| . THADS Q4 | (3) |
| . THAHS Q4 | (2) |
| . Lưu VP - hồ sơ. | |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo